

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 17-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 665/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Diệu L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Liêu Chí T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, lời trình bày có tại hồ sơ và tại phiên tòa của nguyên đơn, thể hiện: Vào năm 2000 chị L và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 20/10/2004 (tại giấy chứng nhận kết hôn số 62/2004 – quyển số 01//2004). Thời kỳ chung sống giữa chị L và anh T có 03 con chung tên: Liêu Chí N, sinh 05/12/2002; Liêu Bảo G, sinh 05/05/2004; Liêu Bảo D, sinh 30/10/2010 (các con chung hiện đang sống với chị L).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Lời trình bày có tại hồ sơ của bị đơn, thể hiện: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung là đúng sự thật.

Về tài sản chung và nợ chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nay anh T đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời anh T có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh T.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến của các con chung giữa chị L và anh T, thể hiện: Các con chung có nguyện vọng được sống với chị L.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về thủ tục:* Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị L và anh T không làm được điều

đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hơn nữa chị L và anh T cương quyết ly hôn với nhau, do đó xác định chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[5] *Xét về con chung*: Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn giữa chị L và anh T không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nhưng anh chị đều thống nhất tôn trọng ý kiến của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy các con chung đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến của các cháu, thì các cháu có nguyện vọng được sống với chị L, do đó cần giao các con chung tên Liêu Chí N, sinh 05/12/2002; Liêu Bảo G, sinh 05/05/2004; Liêu Bảo D, sinh 30/10/2010 cho chị L nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi các con chung, do chị L không có yêu cầu, xét thấy đây ý chí tự nguyện của chị L, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Chị L cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, anh T cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung. Chị L và anh T không có yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp, thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí*: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Diệu L và Liêu Chí T.

- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dạy các con chung tên Liêu Chí N, sinh 05/12/2002; Liêu Bảo G, sinh 05/05/2004; Liêu Bảo D, sinh 30/10/2010 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị L.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị L phải nộp 300.000 đồng, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007639 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung